

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM ĐỊNH LOẠI NĂM LOÀI GIANG MỚI PHÁT HIỆN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Nghĩa, Trần Văn Tiên
Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Khoá phân loại cho năm loài giang (*Maclurochloa*) có hoa mới của Việt Nam đã được xác định trên cơ sở các đặc điểm của thân, cành, mo, lá và giải phẫu hoa. Có hai loài giang trong đó có một loài có một vòi nhụy (gồm hai đầu nhụy và một đầu nhụy xuất phát từ đỉnh của bầu nhụy) đó là Giang Sơn Dương (*Maclurochloa sonduongensis* sp.nov.) với vòi nhụy và đầu nhụy dạng chỉ và loài còn lại là Giang Lộc Bắc (*Maclurochloa locbacensis* sp.nov.) với vòi nhụy và đầu nhụy dạng bản. Có ba loài giang có một vòi nhụy xuất phát từ đỉnh của bầu nhụy: Giang Tân Trào (*Maclurochloa tantraoensis* sp.nov.) có hai (2) đầu nhụy xuất phát từ đỉnh của vòi nhụy và đầu nhụy thứ ba xuất phát từ một trong hai đầu nhụy; Giang Tràng Định (*Maclurochloa trangdinhensis* sp.nov.) có ba (3) đầu nhụy xuất phát từ đỉnh vòi nhụy với vòi nhụy ngắn, dạng bản, to, không lông và đầu nhụy dạng chỉ và Giang Bắc Bộ (*Maclurochloa tonkinensis* sp.nov.) cũng có ba (3) đầu nhụy xuất phát từ đỉnh vòi nhụy với vòi nhụy ngắn, dạng bản, có lông dài và đầu nhụy dạng bản.

Từ khoá: Giang (*Maclurochloa*), định danh

MỞ ĐẦU

Một số năm trước đây, nhà nghiên cứu tre người Malaixia là K.M.Wong đã mô tả và đặt tên riêng chi Giang (*Maclurochloa*) cho các loài có đặc tính tương tự như loài giang mà ông tìm thấy ở Malaixia (*Maclurochloa montana* K.M.Wong). Trong chuyến khảo sát tại Việt Nam năm 2003 và 2004, chuyên gia Trung Quốc là GS. Nianhe Xia đã cho rằng loài Giang tìm thấy ở miền Bắc Việt Nam (Hà Tây, Phú Thọ) chính là một loài của chi Giang này.

Giang trước đây có tên khoa học là *Dendrocalamus patellaris* Gamble, được cho là một loài của chi Luồng (Phạm Hoàng Hộ, 1999), thường được các nhà phân loại và nghiên cứu tài nguyên cho rằng loài có phân bố khắp Việt Nam chỉ mới có một loài. Theo hiểu biết của chúng tôi, có nhiều loài giang đã được thu mẫu từ nhiều vùng của nước ta và chúng đều có những đặc trưng phân biệt khá rõ thông qua cấu tạo hình thái (đặc biệt là mo) và giải phẫu hoa quả.

Với sự hỗ trợ của đề tài “Bảo tồn nguồn gen cây rừng, 2001-2005” và Dự án Tre của IPGRI (giai đoạn 2003-2005), chúng tôi đã thực hiện các chuyến khảo sát trên toàn quốc và đã tìm thấy nhiều loài giang (*Maclurochloa*) trong đó có 7 loài thu được hoa và quả. Căn cứ vào cấu tạo hình thái và giải phẫu hoa quả, chúng tôi mô tả chi tiết các loài giang có hoa mới phát hiện trong thời gian qua để giới thiệu một chi tre mới cho Việt Nam, đó là chi Giang (*Maclurochloa*).

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Vật liệu

Mẫu vật thu được từ các chuyến khảo sát bao gồm thân thứ sinh, cành, mo, lá của 16 mẫu loài giang (trong đó có một số loài có hoa và quả) thuộc chi Giang (*Maclurochloa*). Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi giới thiệu 5 loài trong số đó, bao gồm:

1. Giang Sơn Dương: Sơn Dương, Tuyên Quang (hoa thu năm 2005),
2. Giang Lộc Bắc: Bảo Lâm, Lâm Đồng (hoa thu năm 2005),
3. Giang Tân Trào: Sơn Dương, Tuyên Quang (hoa thu năm 2005),
4. Giang Tràng Định: Trảng Định, Lạng Sơn (hoa thu năm 2005),
5. Giang Bắc Bộ: Thanh Sơn và Cầu Hai, Phú Thọ (hoa thu năm 2005).

Phương pháp

Mô tả thực các đặc điểm của thân, cành, mo, lá và giải phẫu hoa quả để giám định loài và ghép chi dựa vào một số khoá phân loại và tài liệu phân loại cơ bản của Gamble (1896), Rao et al. (1991), Rao and Ramanatha Rao (1999), Seethalakshmi and Kumar (1998), Wong (1993, 1995, 2004).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chi Giang *Maclurochloa* K.M.Wong (Wong 1993, 1995, 2004) có mo thân màu xanh lục hồng, có lông ngắn màu nâu trắng che phủ; phiến mo hình mác, màu xanh lục, nằm ngang hay ngửa; tai mo thấp, nhẵn, đôi khi có lông nâu 2–4mm. Thân dài 8–15m, trườn trên đất hoặc bò trườn lên các cây xung quanh, đường kính thường 1,5–2,5cm; lông dài, màu xanh thẫm với vòng trắng bạc dưới đốt thân. Thường có một cành có kích thước lớn ngang thân chính và thay thế thân chính. Phía trên có nhiều cành nhỏ. Phiến lá dài rộng tuỳ theo loài, nhẵn hay có lông ngắn trắng.

Mo thân hình thang, cứng, giòn, màu hồng, có lông ngắn, mềm, thưa nằm và màu trắng che phủ. Phiến mo hình tam giác, màu xanh lục, thường đứng hay ôm lấy thân. Tai mo thấp, có lông nâu 2–4mm.

Cụm bông giả (Pseudospikelet), dạng chùm kép, mọc ở đốt thân. Bông (Spikelet) mọc tập trung ở đốt của cành mang bông. Cứng bông ngắn, dạng khớp, dễ rụng ở gốc của mày rỗng (Empty glume). Mỗi bông thường có 2–3 mày rỗng, mọc đối diện nhau; thường có 2–3, ít khi vượt quá 4 hoa hữu thụ (Perfect flower) và có

một hoa bất thụ ở đầu. Mày ngoài (Lemma) bằng hoặc ít khi vượt quá mày trong (Palea). Mày trong có dạng cánh thuyền, có lông ngắn ở mép cánh thuyền. Có 2-3 mày cực nhỏ (Lodicule), 6 nhị (Stamen), màu nâu hồng hay màu nâu đậm, nhô ra ngoài. Chỉ nhị (Filament) dạng sợi, rời. Bầu (Ovary) hình trứng hay hình cầu, lõm hay không lõm. Vòi nhụy (Style) dạng sợi có màu hồng hay màu bạc, có lông thưa và dài; có 3 đầu nhụy (Stigma) dạng sợi hay dạng bản có màu hồng hay màu bạc, mảnh, dính trên bầu hay vòi nhụy. Quả thóc (Caryopsis).

Khoá phân loại dựa vào hoa

- A. Một (1) vòi nhụy (gồm 2 đầu nhụy) và 1 đầu nhụy xuất phát từ đỉnh của bầu
 - B. Vòi nhụy và đầu nhụy dạng chỉ.....Giang Sơn Dương
 - B'. Vòi nhụy và đầu nhụy dạng bản.....Giang Lộc Bắc
- A'. Một vòi nhụy (gồm 3 đầu nhụy) xuất phát từ đỉnh của bầu
 - C. Hai (2) đầu nhụy xuất phát từ đỉnh của vòi nhụy, đầu nhụy thứ ba xuất phát từ một trong hai đầu nhụy.....Giang Tân Trào
 - C'. Ba (3) đầu nhụy xuất phát từ đỉnh của vòi nhụy
 - D. Vòi nhụy ngắn, dạng bản, to, không lông; đầu nhụy dạng chỉ.....Giang Tràng Định
 - D'. Vòi nhụy ngắn, dạng bản, có lông dài; đầu nhụy dạng bản.....Giang Bắc Bộ

Giang sơn dương

Tên khoa học : *Maclurochloa sonduongensis* sp.nov.

Chi : Giang (*Maclurochloa*)

Giang Sơn Dương là loài tre bò trườn, có ngọn cong rủ, thân có dạng dích dắc, dài 15–20m, đường kính thân 3–3,5cm, vách thân dày 0,3–0,5cm, lông thân dài 50–60cm, thân và cành rỗng ruột. Thân non có nhiều lông màu bạc, phía trên và dưới đốt có vòng phấn trắng cao đến 1 cm. Tán lá dày ở ngọn do đầu cành có nhiều cành nhỏ, một cành to bằng thân và nhiều cành nhỏ sơm rụng.

Mo thân hình trụ cứng, hai mép mỏng, mặt ngoài có nhiều lông nâu đen, mịn, sơm rụng. Đáy dưới lượn sóng, rộng 12–6cm, cao 18–20cm, đáy trên nhô cao ở giữa, một mép hơi nhô cao và một mép thấp, xuôi xuống, rộng 9–10cm. Phiến mo dạng tam giác, đầu thuôn, đáy lõm và lệch, rộng 8–10cm, dài 20–21cm, có 3 phần lồi lõm khác nhau. Lưỡi mo lượn sóng, cao đến 0,3cm. Tai mo với một tai đứng và nhô cao ra ngoài, rộng 1,2–1,5cm, cao 0,4cm; một mép đứng nhưng không nhô ra ngoài, cao đến 0,2cm, rộng 0,3cm, có lông cứng, thưa, cao đến 0,2cm.

Lá dạng dải, thuôn dài. Phiến lá dài 22–25cm, rộng 3–3,5cm. Góc lá nhọn, đáy lệch. Gân lá có 7–8 đôi. Tai lá ngửa ra ngoài, uốn cong và ôm lấy bẹ, rộng 0,5cm, cao 0,1cm, có lông cứng thưa, dài đến 1cm. Cuống lá dài đến 0,1cm, cao đến 0,1cm.

Cụm bông giả, dạng chùm kép, mọc tập trung ở đốt của cành mang bông. Cuống bông ngắn, dạng khớp, dễ rụng ở gốc của mày rỗng. Mỗi bông mang 2–3 mày rỗng, 2 hoa hữu thụ và 1 hoa bất thụ ở đầu. Mày rỗng lớn nhất dài 5–6mm, rộng 4,5–5mm, mép có lông mịn, mặt ngoài có lông nhung, gân 19–21, gân giữa kéo dài dạng mũi ở đầu. Mày ngoài, dài 8–9mm, rộng 7–8mm, mặt ngoài có lông nhung dài và dày, 19–21 gân nổi rõ. Mày trong dạng cánh thuyền dài 10–11,5mm, rộng 6–7mm, có lông nhung dày và dài ở cánh thuyền, 19–21 gân, 3 mày cực nhỏ, dạng trứng, đầu tù, dài 1,5–2mm, rộng 1mm, 6 nhị, màu nâu đỏ, nhô ra ngoài, chỉ nhị dạng chỉ, rời, nhị dài 4,5 mm, rộng 1 mm. Ba (3) đầu nhụy ở đầu màu hồng, hai xuất phát từ đỉnh của bầu qua vòi nhụy và cái còn lại xuất phát trực tiếp từ đỉnh của bầu. Vòi nhụy và đầu nhụy dạng chỉ. Bầu dạng trứng, dẹp một bên và hơi lõm. Quả thóc dạng trứng, đầu nhọn, một mặt lõm sâu.

Mùa măng vào khoảng tháng 6–9. Hoa quả được thu vào tháng 9 năm 2005. Mẫu loài thu được dọc đường từ Tuyên Quang đi Cao Bằng trên địa phận huyện Sơn Dương (Tuyên Quang).

Giang lộc bắc

Tên khác : Tre leo, nửa thân trườn

Tên khoa học : *Maclurochloa loebacensis* sp.nov.

Chi : Giang (*Maclurochloa*)

Giang Lộc Bắc là loài tre mọc cụm thưa. Thân cây bò trườn dạng dích dắc, phía dưới đốt có một vòng màu trắng, có lông mịn, dài đến 1,7cm; thân non có lông màu bạc, mịn; phía dưới vòng đốt của măng có lông màu tím dần chuyển sang màu bạc khi già. Thân cây dài 15–20m, bò trườn theo các cây lớn xung quanh. Đường kính thân 4–4,5cm; đường kính đốt thân 5–5,5cm, lớn hơn lông thân vì đốt phình to. Vách dày 0,5–0,6cm. Lông dài 55–60cm. Nhiều cành nhỏ mọc từ một đốt thân. Cành có thể thay thế thân chính và to ngang thân.

Mo thân có lông màu đen, nằm; mép phải nhô ra, gốc tù (một mép của đáy dưới cắt ngang và tù); mo thân khi rụng để lại một vòng cao đến 2cm. Bẹ mo cứng, giòn, đáy dưới rộng 17–19cm, cao 28,5–29cm; đáy trên rộng 2–3cm, lõm sâu đến 3cm; một mép cao đến 6–7cm, một mép thấp 1,5–2cm. Phiến mo dạng dải và lệch, một mép thẳng và một mép bầu; mặt ngoài có lông màu nâu thưa, rộng 2,5–3cm, cao 22–24cm, có màu xanh như lá và ngửa xuống. Tai mo không có. Lưỡi mo cao đến 0,3cm.

Lá dạng hình nêm, mặt dưới lá có lông màu bạc, dày, đứng. Phiến lá dài 15–16cm, rộng 1–1,1cm. Góc lá tù hay nhọn. Gân lá 4–5 đôi. Lưỡi lá thấp, có lông màu trắng dài đến 1,1cm. Cuống lá ngắn, rộng 0,5mm và dài 0,5mm.

Cụm bông giả, dạng chùm kép, mọc tập trung ở đốt của cành mang hoa. Cuống bông ngắn, dạng khớp, dễ rụng ở gốc của mày rỗng. Mỗi bông có 2–3 mày rỗng, 2 hoa hữu thụ và 1 hoa bất thụ ở đầu. Mày rỗng lớn nhất dài 2–2,2mm, rộng 2–2,5mm, mặt ngoài có lông nhung thưa và đứng, mặt trong có lông dài, gân 5–7 nổi, gân giữa kéo dài tạo thành mũi ngắn ở đầu và cứng. Mày ngoài dài 5–6mm, rộng 2–3mm, mặt ngoài có lông cứng và đứng, gân 9–11 nổi rõ. Mày trong dạng cánh thuyền, dài gần bằng mày ngoài, có lông mềm, dày ở cánh

thuyền. 3 mày cực nhỏ, hình trứng ngược dài 2–2,2mm, rộng 1–1,2mm, mép có lông mềm và thưa dài 0,5–0,6mm. Có 6 nhị, nhô ra ngoài, chỉ nhị dạng chỉ, rời. Nhị dài 3mm, rộng 1mm. Ba (3) đầu nhụy trong đó hai xuất phát từ đỉnh của bầu qua vòi nhụy và cái còn lại xuất phát trực tiếp từ đỉnh của bầu. Vòi nhụy và đầu nhụy dạng bản. Quả thóc hình trụ thuôn dài.

Giang Lộc Bắc thường gặp ở trong rừng Lộc Bắc (Vĩ độ 11^o73580 Bắc và Kinh độ 107^o70438 Đông) thuộc Bảo Lâm, Lâm Đồng trên độ cao 890–900m so với mực nước biển, trong vùng rừng sau khai thác kiên kiên. Hoa và quả được thu thập tháng 8 năm 2005.

Giang tân trào

Tên khoa học : *Maclurochloa tantraensis* sp.nov.

Chi : Giang (*Maclurochloa*)

Giang Tân Trào là loài tre bò trường, ngọn cong rủ, thân có dạng dích dắc, dài 20–25m, đường kính thân 3–3,5cm, vách thân dày 0,4–0,5cm, lông thân dài 60–70cm, thân và cành rỗng ruột. Thân non có nhiều lông màu bạc, phía trên và dưới đốt có vòng phấn trắng cao 1cm, đốt phình to. Tán lá dày ở ngọn do đầu cành có nhiều cành nhỏ, một cành to bằng thân và nhiều cành nhỏ sớm rụng.

Mo thân hình trụ cứng thuôn dài, hai mép bẹ mo mỏng, mặt ngoài lúc non có nhiều lông màu trắng, nằm. Đáy dưới lượn sóng, phù to ở đốt, mặt ngoài có lông trắng và dày, rộng 15–17cm; cao 18–20cm; đáy trên nhô cao ở giữa, hơi phù, một mép cao và một mép thấp, rộng 9–10cm. Phiến mo dạng tam giác, đáy lõm và lệch theo đáy trên của bẹ mo, rộng 8–10cm, dài 19–21cm. Lưỡi mo cao đến 0,1cm. Mo có một tai đứng, một nhô ra ngoài và cong xuống, rộng 0,5–1cm, cao 0,2–0,3cm, có lông cứng thưa, cao đến 0,2cm.

Lá thuôn dài hay dạng dải, dài 20–23 cm, rộng 3,5–4cm. Góc lá hơi nhọn, đáy lệch nhiều. Gân lá 7–8 đôi. Bẹ lá không lông. Tai lá ngửa ra ngoài, uốn cong và ôm lấy bẹ lá, rộng 0,4–0,5cm, cao 0,1cm, có lông cứng thưa và dài đến 0,8cm. Cuống lá dài 0,3cm, rộng 0,2cm.

Cụm bông giả, dạng chùm kép, mọc tập trung ở đốt của cành mang bông. Cuống bông ngắn, dạng khớp, dễ rụng ở gốc của mày rồng. Mỗi bông có 2–3 mày rồng, mang 2–3 hoa hữu thụ và 1 hoa bất thụ ở đầu. Mày rồng lớn nhất dài 5–5,5mm, rộng 4–4,5mm, mặt ngoài có lông nhưng rất mịn, khó nhận thấy bằng mắt thường, 15–17 gân. Mày ngoài dài 8–9mm, rộng 5–6mm, mặt ngoài có lông nhưng mịn, dày ở đầu, 17–19 gân, nổi rõ. Mày trong dạng cánh thuyền hơi dài hơn hoặc bằng mày mang ngoài, có lông nhưng ở cánh thuyền, gân 17–19 nổi rõ. 3 mày cực nhỏ, dạng trứng, đầu thót nhọn dần dài 1,8–2mm, rộng 1–1,2mm, có lông dài, 6 nhị, màu hồng, nhô ra ngoài, chỉ nhị dạng sợi, nhị dài 4mm, rộng 0,7–0,8mm. Vòi nhụy và đầu nhụy dạng chỉ, màu bạc, có lông, dài; 3 đầu nhụy, hai (2) cái xuất phát từ đỉnh của vòi nhụy, cái còn lại xuất phát từ một trong hai cái kia. Bầu hơi lệch và dẹp một bên. Quả thóc.

Mùa ra măng và vào khoảng tháng 6–9 hàng năm. Hoa và quả được thu thập vào tháng 9 năm 2005 tại Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) nên tạm lấy tên theo địa danh này.

Giang tràng định

Tên khoa học : *Maclurochloa trangdinhensis* sp.nov.

Chi : Giang (*Maclurochloa*)

Giang Tràng Định là loài tre bò trường, mọc cụm thưa. Thân có dạng dích dắc; đốt phù to, đốt cao 2cm, rộng 4cm. Thân non có nhiều phấn trắng, phía trên và dưới đốt có vòng phấn trắng cao đến 2cm. Thân cây dài tới 20–25m, đường kính thân 3–3,5cm, rỗng ruột, vách thân dày 0,5cm, lông dài 48–55cm. Thường có một cành to thay thế thân chính và nhiều cành nhỏ.

Mo thân hình trụ cứng, mặt ngoài có nhiều lông màu trắng bạc, mềm và nằm, mép mỏng, mép và nửa trên có nhiều gân mịn dày. Bẹ mo có đáy dưới lượn sóng, rộng 5–6cm, cao 8–10cm; đáy trên lượn sóng, giữa và hai mép nhô cao và một mép thấp, rộng 2,5–3cm. Phiến mo dạng dải dài, mặt ngoài có nhiều gân nổi rõ và 3 phần lồi lõm theo hướng ngang; đáy lõm và lệch theo đáy trên của mo, dài 7–10cm, rộng 2–2,3cm. Tai mo nhỏ, cao 0,1cm, rộng 0,2–0,3cm, một tai nhô ra theo mép bẹ mo thấp. Lưỡi mo cao đến 1cm, có lông mềm, thưa, dài đến 0,35cm. Bẹ mo màu nâu hồng, phiến mo màu xanh.

Lá dạng dải, thuôn dài, mặt dưới lá ở gần gốc có lông nhưng màu bạc. Phiến lá dài 20–24cm, rộng 2,3–2,5cm; gốc lá nhọn, đáy lệch; gân lá 6–7 đôi. Lưỡi lá thấp, có lông dài đến 0,2cm. Bẹ lá có lông ở mép và 1/3 phía trên. Tai lá nhô cao và ngửa ra ngoài, rộng 0,2cm, cao 0,1cm, có lông thưa và cứng cao đến 0,3cm. Cuống lá dài 0,5cm, rộng 0,2cm, mặt trên và dưới có lông nhưng.

Cụm bông giả, dạng chùm kép, mọc tập trung ở đốt của cành mang bông. Cuống bông ngắn, dạng khớp, dễ rụng ở gốc của mày rồng. Mỗi bông có 2–3 mày rồng, 4 hoa hữu thụ và 1 hoa bất thụ ở đầu. Mày rồng lớn nhất dài 6–7mm, rộng 4–4,5mm, mép có lông mịn đứng, mặt ngoài có lông nhưng, 19–21 gân, nổi rõ, gân giữa kéo dài tạo thành mũi ngắn. Mày ngoài dài 10–11,5mm, rộng 7–8mm, mặt ngoài có lông nhưng dài, 19–21 gân nổi rõ. Mày trong dạng cánh thuyền dài gân bằng mày mang ngoài, có lông nhưng mềm và dài ở cánh thuyền. 3 mày cực nhỏ, dạng trứng, hai mày lớn đầu thót nhọn, dài 3–3,5mm, rộng 1–1,3mm, có lông mềm dài đến 0,2mm; mày nhỏ đầu tròn. 6 nhị, màu hồng, nhô ra ngoài, chỉ nhị rời, nhị dài 5–6mm, rộng 1mm. Nhụy màu hồng, vòi nhụy ngắn hơi dạng bản, có hay không có lông; 3 đầu nhụy, xuất phát từ đỉnh của vòi nhụy, có lông dày và dài. Đầu nhụy dạng chỉ. Bầu hình cầu hơi lõm.

Loài được thu mẫu tại đèo Bông Lau (Tràng Định, Lạng Sơn) trên độ cao 456m so với mực nước biển vào tháng 9 năm 2005.

Giang bắc bộ

Tên khoa học : *Maclurochloa tonkinensis* sp.nov.

Tên đồng nghĩa : *Ampelocalamus patellaris* (Gamble) Stapleton

Dendrocalamus patellaris Gamble

Chi : Giang (*Maclurochloa*)

Giang Bắc Bộ là loài mọc cụm, thân nhỏ, không gai, lá vừa, thưa cây, thân khí sinh bám vào các thân cây xung quanh, sống gần như leo. Cây có kích thước trung bình dài tới 15m hay hơn, đường kính 3–5cm, lóng dài 50–58cm, vách thân dày 0,8cm. Thân tròn đều, nhẵn, thân cây non có màu xanh, thân cây già màu xanh thẫm. Trên và dưới đốt thân có vòng lông trắng mịn. Phương thức phân cành rất đặc trưng: từ thân chính mọc một số cành có kích thước tương tự thân chính. Nhiều cành nhỏ mọc từ nhiều gốc trên đốt thân.

Bẹ mo hình thang cân, mo cao 20–21cm, đáy lớn rộng 13cm, đáy bé rộng 6cm. Phiến mo hình mũi giáo ngắn, dài 11cm, rộng 6cm.

Phiến lá hình ngọn giáo thuôn, đầu nhọn, đuôi tù, mặt trên xanh đậm, mặt dưới xanh nhạt, dài 26–28cm, rộng 3,4–3,9cm. Gân lá 9 đôi. Lưỡi lá cao 0,1cm. Bẹ lá có túm lông trắng, rụng sớm. Bẹ lá nhẵn, tai lá không đều nhau; tai trái lớn hơn, dài 0,3cm, rộng 0,1cm; tai phải dài 0,2cm, rộng 0,1cm. Tai lá mang 8 lông dài từ 0,6–0,8cm. Lông tai phải ngắn hơn, dài 0,4–0,5cm. Cuống lá dài 0,4cm, rộng 0,3cm.

Cụm bông giả, dạng chùm kép, mọc tập trung ở đốt của cành mang bông. Cuống bông ngắn, dạng khớp, dễ rụng ở gốc của mày rỗng. Mỗi bông thường có 2–3 mày rỗng và 2 hoa hữu thụ và 1 hoa bất thụ ở đầu. Mày rỗng lớn nhất dài 8–9mm, rộng 4,5–5mm, mặt ngoài có lông nhung dày, mép có lông nhiều và đứng, 18–20 gân, nổi rõ, gân giữa kéo dài thành mũi ngắn ở đầu. Mày ngoài, dài 11–12mm, rộng 6–7mm, mặt ngoài có lông nhung dày, 19–21 gân nổi rõ, gân giữa kéo dài tới mép tạo thành mũi nhọn ở đầu. Mày trong dạng cánh thuyền dài bằng mày ngoài, có lông mềm, dày và dài ở cánh thuyền. 3 mày cực nhỏ, một dạng quạt, dài 2–2,5mm, rộng 1,8–2mm, mép có lông dài 0,6–0,8mm, hai dạng trứng có đầu thót nhọn. 6 nhị, nhô ra ngoài, chỉ nhị rời, nhị dài 5,5–6mm, rộng 1–1,1mm. Nhụy có vòi nhụy dạng bản, có lông nhiều và dài; 3 đầu nhụy, dạng bản, có lông dài và xuất phát từ đỉnh của vòi nhụy. Bầu hình trứng, quả thóc.

Giang Bắc Bộ là loài tre mọc cụm trong rừng tự nhiên ở các tỉnh phía Bắc, có nhiều ở vùng Trung tâm Bắc Bộ thường ở độ cao 100–700m so với mực nước biển. Giang Bắc Bộ thường xuất hiện sau nương rẫy, dưới tán rừng thứ sinh, mọc lẫn với cây gỗ hoặc Nứa, Vầu thành đám. Thân cây thường đổ ngã lên nhau nên khó đi lại và cản trở công tác trồng lại rừng. Hoa được thu thập vào đầu năm 2005, Giang ở Cầu Hai và Thanh Sơn (Phú Thọ).

Người dân thường dùng Giang Bắc Bộ để chẻ lạt, đan hàng thủ công mỹ nghệ và đồ dùng hàng ngày vì giang khá dẻo, đặc biệt là làm lạt gói bánh chưng, một sản phẩm đặc trưng không thể thiếu cho ngày Tết của Việt Nam. Măng trắng và rất mềm, ăn ngon và ngọt, được nhiều người ưa chuộng.

| TT | Loài-Species | Thân - culm | | Lá - leaf | | Lóng thân Internode (cm) | Màu sắc vòi nhụy Colour of style |
|----|--|-------------|--------|-----------------|-----------------|--------------------------|----------------------------------|
| | | H (m) | D (cm) | Dài-length (cm) | Rộng-width (cm) | | |
| 1 | Giang Sơn Dương <i>M. sonduongensis</i> | 15-20 | 3-3,5 | 22-25 | 3-3,5 | 50-60 | Nâu đỏ – reddish brown |
| 2 | Giang Lộc Bắc <i>M. locbacensis</i> | 15-20 | 4-4,5 | 15-16 | 1-1,1 | 55-60 | Trắng – white |
| 3 | Giang Tân Trào <i>M. tantraensis</i> | 15-20 | 3-3,5 | 20-23 | 3,5-4 | 60-70 | Hồng – pink |
| 4 | Giang Tràng Định <i>M. trangdinhensis</i> | 20-25 | 3-3,5 | 20-24 | 2,3-2,5 | 48-55 | Hồng – pink |
| 5 | Giang Bắc Bộ <i>M. tonkinensis</i> | >15 | 3-5 | 26-28 | 3,4-3,9 | 54-58 | Trắng – white |

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Gamble J.S., 1896. Bambuseae of British India. Annals of the Royal Botanic Garden, Calcutta. Vol. VII.
 Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2006. Tre trúc Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 400 trang.
 Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam. Nhà xuất bản Trẻ.
 Rao, A.N., X.P. Zhang and S.L. Zhu (eds), 1991. Selected Papers on Recent Bamboo Research in China. Bamboo Information Centre, 266 pp.
 Rao, A.N. and V. Ramanatha Rao, 1999. Bamboo – Conservation, Diversity, Ecogeography, Germplasm, Resource Utilization and Taxonomy. Proceedings of the training course cum workshop, 10-17 May 1998, Kunming and Xishuangbanna, Yunnan, China. IPGRI, 276pp.
 Seethalakshmi, K.K. and M.S.M. Kumar, 1998. Bamboos of India, a compendium. BIC – KFRI – INBAR. Beijing – Eindhoven – New Delhi. 342 pp.
 Wong, K.M., 1993. Four new genera of bamboos (*Gramineae: Bambusoideae*) from Malesia. Kew Bulletin, 48(3): 517 – 532.
 Wong, K.M., 1995. The Bamboos of Peninsular Malaysia. FRIM, Kuala Lumpur, Malaysia, 200pp.
 Wong, K.M., 2004. Bamboo, the Amazing Grass. IPGRI and University of Malaya, Kuala Lumpur, Malaysia, 80pp.

Five new detected *Maclurochloa* species of Vietnam identified based on flowers

Nguyen Hoang Nghia, Tran Van Tien

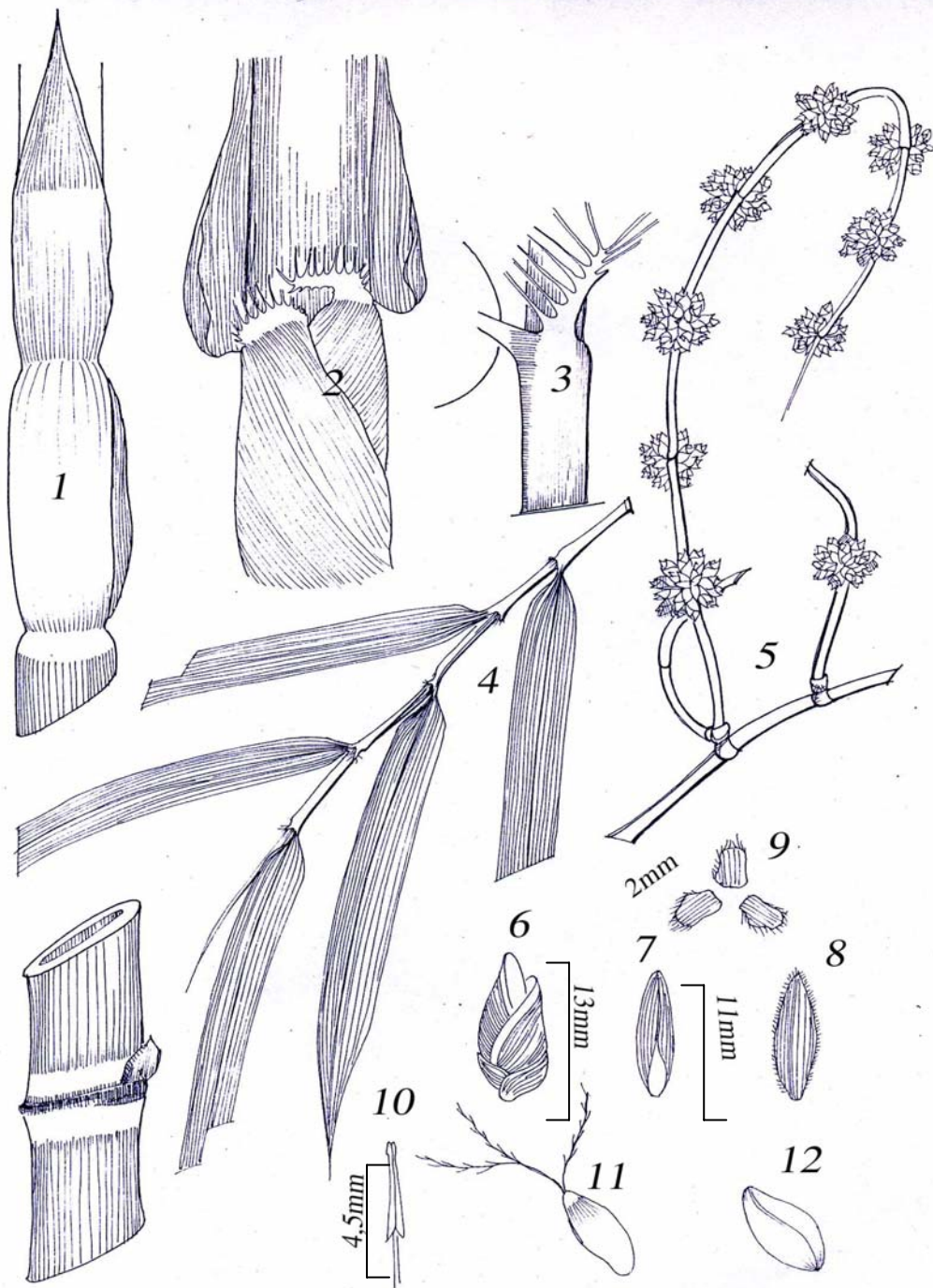
Forest Science Institute of Vietnam

Based on the morphological characteristics (culm, branch, culm sheath, leaf) and flower anatomy, a key to the species of *Maclurochloa* genus in Vietnam has been determined. There are two species having one style (containing two stigmas) and one stigma originated from the top of ovary. They are *Maclurochloa sonduongensis* sp.nov. with style and stigma having filament form and *Maclurochloa locbacensis* sp.nov. with style and stigma having flat form. There are three species having one style originated from the top of ovary. For *Maclurochloa tantraoensis* sp.nov., two stigmas originated from top of style while the third stigma originated from one of the two other stigmas. For *Maclurochloa trangdinhensis* sp.nov., three stigmas originated from the top of style and stigmas show filament form while *Maclurochloa tonkinensis* sp.nov. also has three stigmas originated from the top of style but stigmas have filament form. The key to the species is as follows:

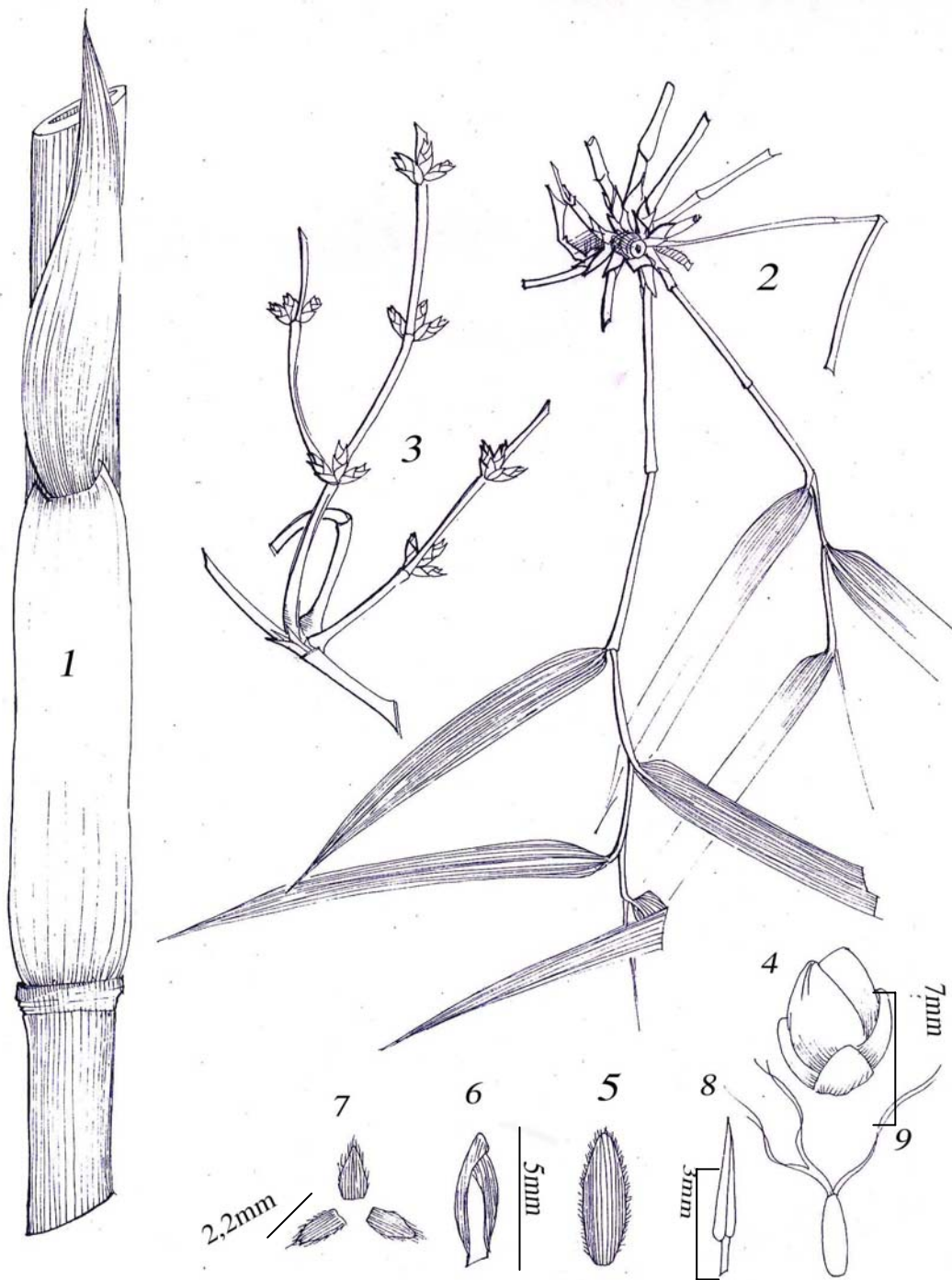
- A. One style (including 2 stigmas) and one stigma originated from the top of ovary
 - B. Style and stigmas show filament form.....*M. sonduongensis*
 - B'. Style and stigmas show flat form*M. locbacensis*
- A'. One style (including 3 stigmas) originated from the top of ovary
 - C. Two stigmas originated from top of style while the third stigma originated from one of the two other stigmas *M. tantraoensis*
 - C'. Three stigmas originated from the top of style
 - D. Stigmas show filament form*M. trangdinhensis*
 - D'. Stigmas show flat form*M. tonkinensis*

Keywords: *Maclurochloa* species, identification

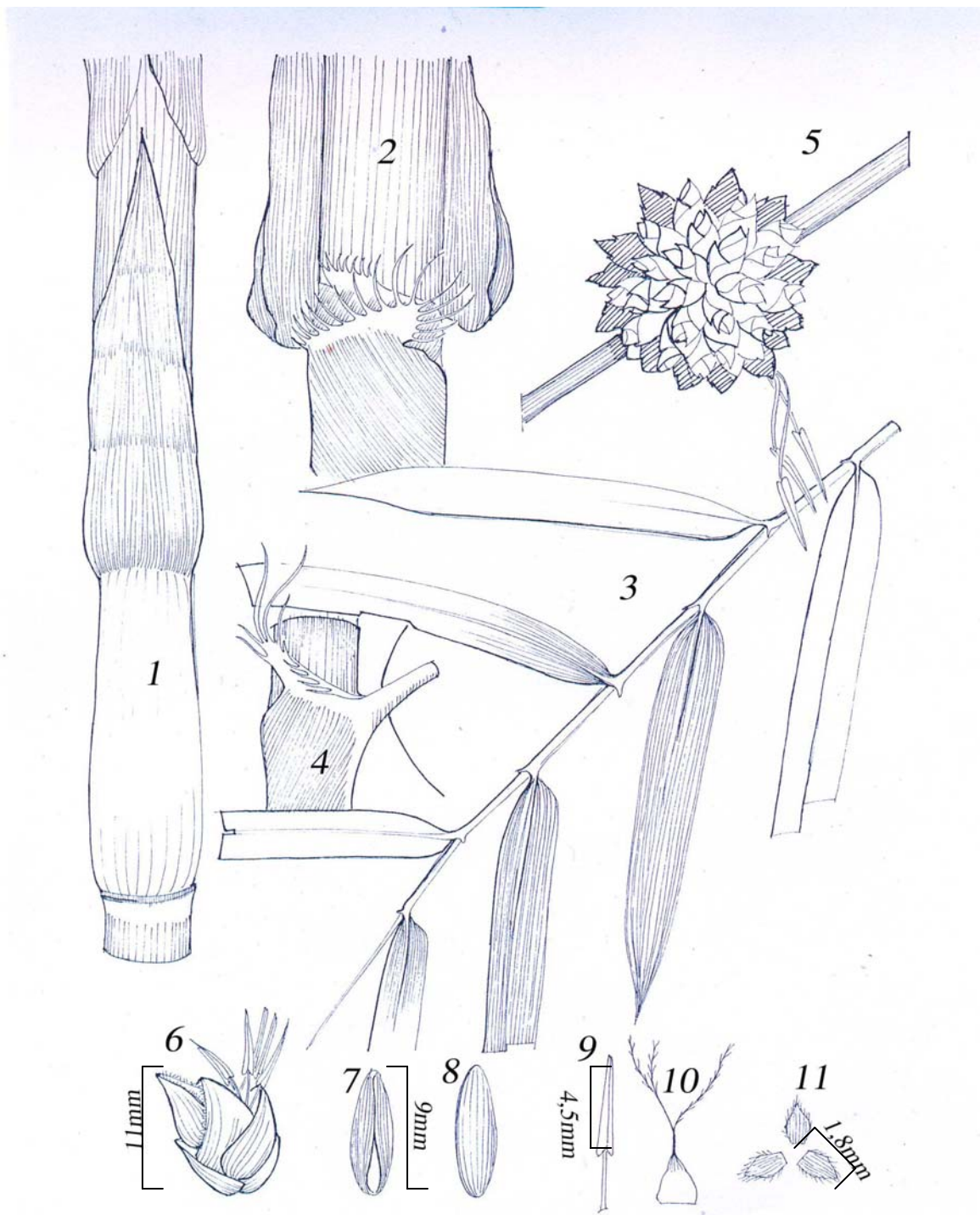
Người thẩm định: ThS. Đỗ Văn Bản



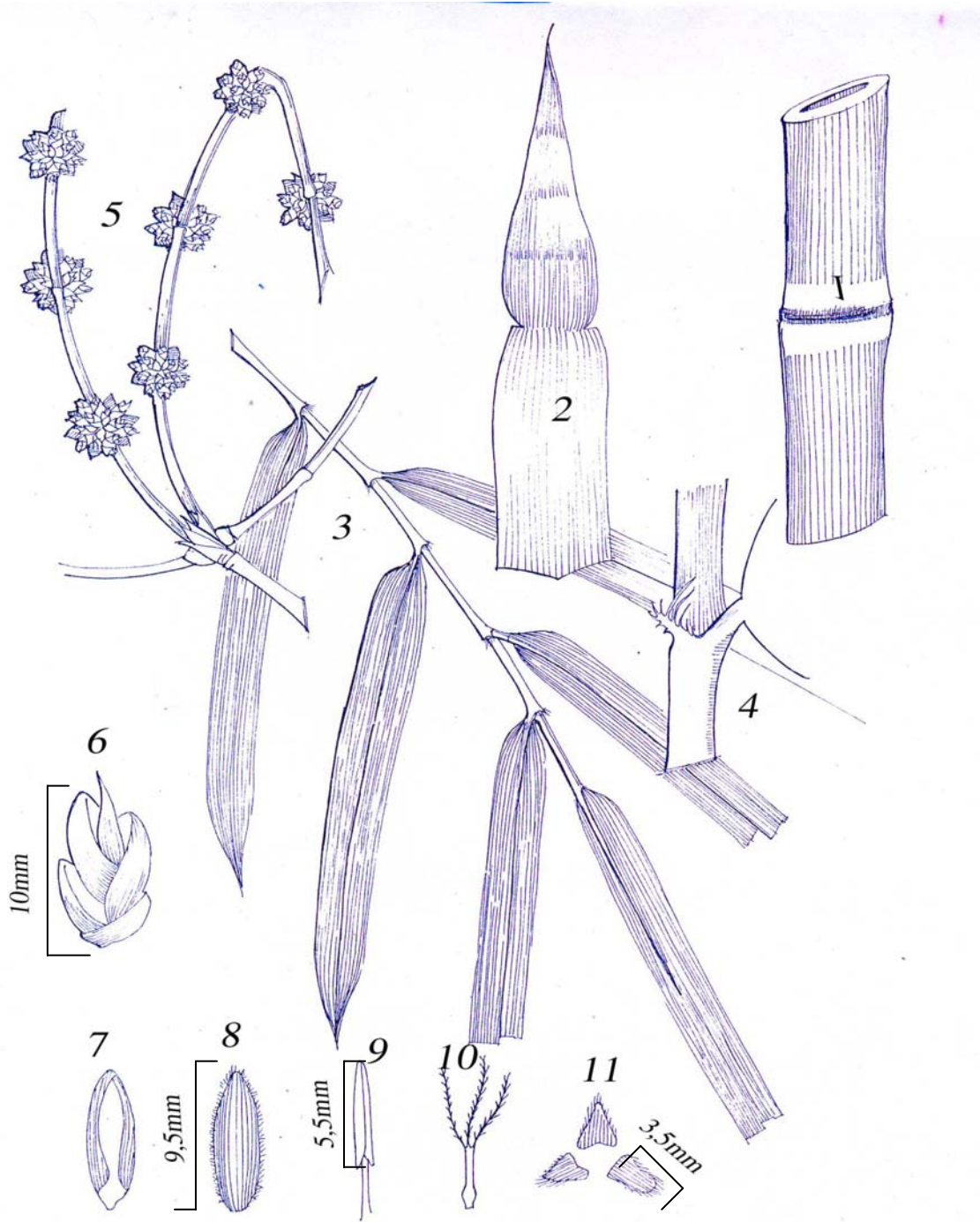
Giang Sơn Dương: 1. Mo thân, mặt ngoài (Culm sheath, dorsal view); 2. Mo thân, mặt trong (Culm sheath, ventral view); 3. Tai lá (Leaf auricles); 4. Cành mang lá (Leafy branch); 5. Cành mang hoa (Flowering branches); 6. Hoa (Floret); 7. Mày nhỏ trong, mặt ngoài (Palea, dorsal view); 8. Mày nhỏ trong, mặt trong (Palea, ventral view); 9. Mày cực nhỏ (Lodicule complement); 10. Bao phấn (Anthers); 11. Nhụy (Gynoecium); 12. Hạt (Seed).



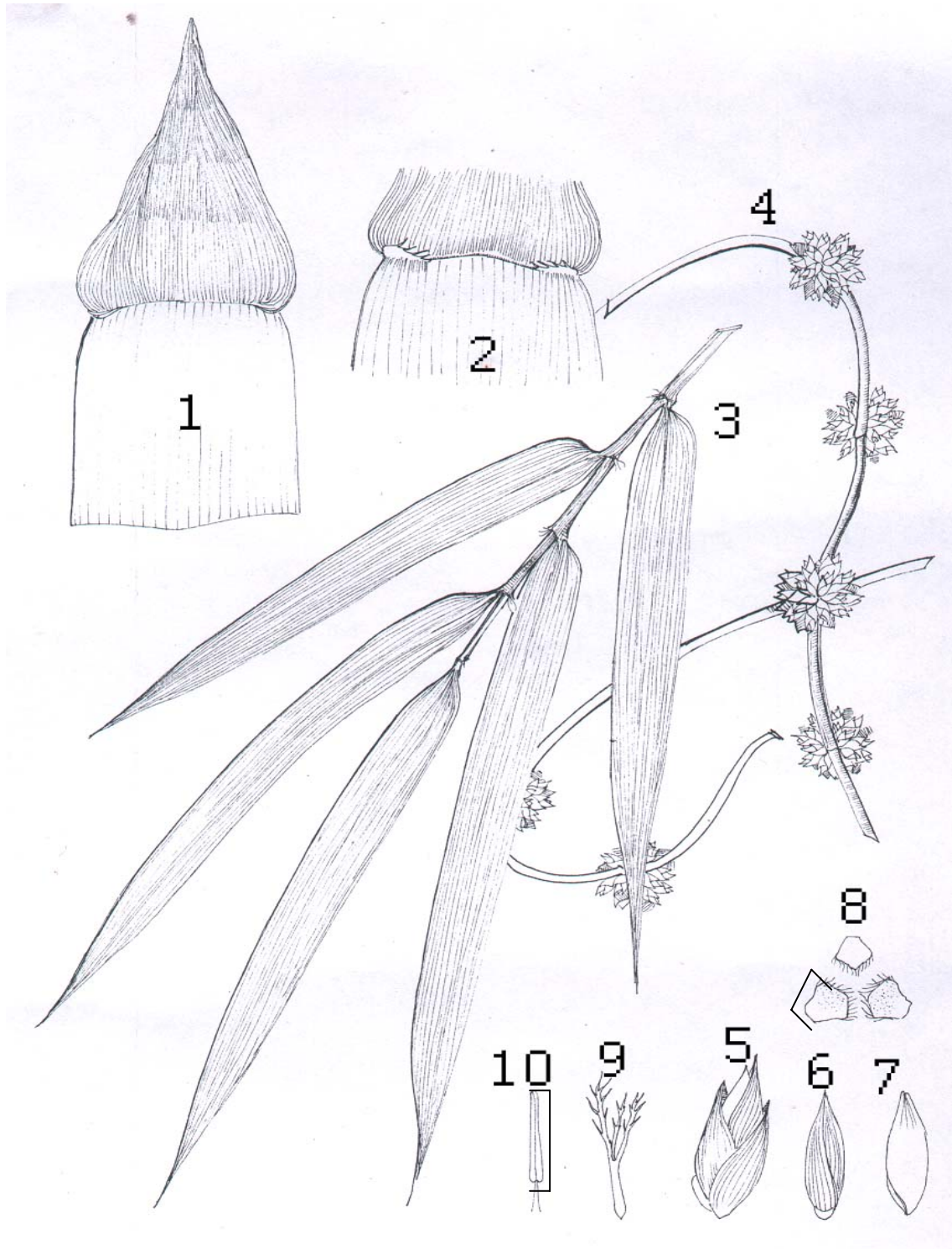
Giang Lộc Bắc: 1. Mo thân, mặt ngoài (Culm sheath, dorsal view); 2. Cành mang lá (Leafy branch); 3. Cành mang hoa (Flowering branches); 4. Hoa (Floret); 5. Mày nhỏ trong, mặt ngoài (Palea, dorsal view); 6. Mày nhỏ trong, mặt trong (Palea, ventral view); 7. Mày cực nhỏ (Lodicule complement); 8. Bao phấn (Anther); 9. Nhụy (Gynoecium).



Giang Tân Trào: 1. Mo thân, mặt ngoài (Culm sheath, dorsal view); 2. Mo thân, mặt trong (Culm sheath, ventral view); 3. Cành mang lá (Leafy branch); 4. Tai lá (Leaf auricles); 5. Cành mang hoa (Flowering branches); 6. Hoa (Floret); 7. Mày nhỏ trong, mặt trong (Palea, ventral view); 8. Mày nhỏ trong, mặt ngoài (Palea, dorsal view); 9. Bao phấn (Anthers); 10. Nhụy (Gynoecium); 11. Mày cực nhỏ (Lodicule complement).



Giang Trùng Định: 1. Đoạn thân (Culm section); 2. Mo thân (Culm sheath, dorsal view); 3. Cành mang lá (Leafy branch); 4. Tai lá (Leaf auricles); 5. Cành mang hoa (Flowering branches); 6. Hoa (Floret); 7. Mây nhỏ trong, mặt trong (Palea, ventral view); 8. Mây nhỏ trong, mặt ngoài (Palea, dorsal view); 9. Bao phấn (Anthers); 10. Nhụy (Gynoecium); 11. Mây cực nhỏ (Lodicule complement).



Giang Bắc Bộ: 1. Mo thân, mặt ngoài (Culm sheath, dorsal view); 2. Mo thân, mặt trong (Culm sheath, ventral view); 3. Cành mang lá (Leafy branch); 4. Cành mang hoa (Flowering branches); 5. Hoa (Floret); 6. Mây nhỏ trong, mặt ngoài (Palea, dorsal view); 7. Mây nhỏ trong, mặt trong (Palea, ventral view); 8. Mây cực nhỏ (Lodicule complement); 9. Bao phấn (Anthers); 10. Nhụy (Gynoecium).